

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/HS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Huỳnh Xuân Thủy;

- Ông Lê Châu Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phát Huy – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa:**  
Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 109/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Thành B1, sinh ngày 16/6/2000, nơi sinh: K, tỉnh An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 05, khóm LC7, phường PCB, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; con ông Lê Thành um, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Khả Y, sinh năm 1997; chưa có vợ con; anh chị em có 03 người;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2020, đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thành B2 (B2 Đen), sinh ngày 10/5/1993; nơi sinh: K; đăng ký thường trú: tổ 05, khóm LC7, phường PCB, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Thành Ph (đã chết) và bà Nguyễn Thị NN, sinh năm 1956; vợ Nguyễn Thị TN, sinh năm 1988, con Lê Thành Tiến, sinh năm 2017;

Tiền án: Ngày 13/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm, kết án 09 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”; chưa chấp hành hình phạt.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2020, đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thành B2: Ông Nguyễn Ngọc X, Luật sư Văn phòng Luật sư X - Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, có mặt.

3. Nguyễn Ngọc B3, sinh ngày 15/02/2001; nơi sinh: K, tỉnh An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 347, Thủ Khoa Huân, khóm LC7, phường PCB, thành phố K; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; con ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị Mầu ĐP, sinh năm 1980; chưa có vợ con; anh chị em có 03 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2020, đến nay có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đức B4 (Cộc Léch), sinh ngày 02/3/1999; nơi sinh K, tỉnh An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 03, khóm Qc, phường PCB, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Tâm, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1979; chưa có vợ con; anh chị em có 03 người, bị cáo là người thứ ba.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2020, đến nay có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Hữu B5, sinh ngày 23/9/2001; nơi sinh K, tỉnh An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 23, khóm LC1, phường MV, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; con ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1972 và bà Trịnh Thị Bích BL, sinh năm 1971; chưa có vợ con; anh chị em có 03 người, bị cáo là người thứ ba.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/9/2020, đến nay có mặt tại phiên tòa.

6. Lưu Minh B6, sinh ngày 09/10/2000; nơi sinh K, tỉnh An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 04, khóm Qc2, phường PCB, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; con ông Lưu Minh Z1, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Z2, sinh năm 1969; chưa có vợ con; anh chị em có 06 người, bị cáo là người thứ năm.

Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 05/6/2019, Công an thị xã B3 Châu, tỉnh An Giang, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng, về hành vi “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành nộp phạt;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/9/2020, đến nay có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Hoàng B7 (B7 Bò), sinh ngày 09/01/2000; nơi sinh K, tỉnh An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 106, tổ 25, khóm Qc2, phường PCB, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo thiên chúa; con ông Lê Hoàng O1, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Thanh O2, sinh năm 1981; chưa có vợ con; anh chị em có 02 người, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/9/2020, đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh Nguyễn Đình H1, sinh năm 2003, nơi cư trú: Tổ 25, khóm LC1, phường MV, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của H1: Bà Nguyễn Thị Trúc X, sinh năm 1980, nơi cư trú: Tổ 25, khóm LC1, phường MV, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Anh Trịnh Lý Nhật IT, sinh năm 2004, nơi cư trú: Tổ 23, khóm LC1, phường MV, thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của IT: ông Trịnh Văn DT và Bà Lý Thị Kim KL, cùng nơi cư trú: Tổ 23, khóm LC1, phường MV, thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt.

- Anh Lê NL, sinh năm 1995, nơi cư trú: Tổ 04, khóm Cv1, phường Nv, thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt.

- Anh Nguyễn Minh LN, sinh năm 1997, nơi cư trú: nơi cư trú: Tổ 23, khóm LC1, phường MV, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Anh Trịnh Hoàng MT, sinh năm 2003, nơi cư trú: nơi cư trú: Tổ 23, khóm LC1, phường MV, thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của Hoàng MT: ông Trịnh Trung NT1 và bà Nguyễn Thị Tuyết MN, cùng nơi cư trú: Tổ 23, khóm LC1, phường MV, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị NN, sinh năm 1956, nơi cư trú: khóm LC7, phường PCB, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị TN, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ 10, khóm Cv3, phường Nv, thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt.

- Bà Phạm Thị Mẫu ĐP, sinh năm 1980, nơi cư trú: khóm LC7, phường PCB, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Bà Trịnh Thị Kim LT, sinh năm 1971, nơi cư trú: Tổ 23, khóm LC1, phường MV, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Huỳnh Kim CH, sinh năm 2007, vắng mặt; Chị

Thái Thị NT, sinh năm 2003, vắng mặt; Chị Trần Thị Bích HT, sinh năm 2002, có mặt; Chị Lưu Thị Yến LL, sinh năm 2003, có mặt; Chị Trịnh Thị Thanh T4, sinh năm 1995, có mặt; Anh Võ Văn TV, sinh năm 1996, vắng mặt; Anh Nguyễn AN, sinh năm 2004, vắng mặt; Anh Phạm LP, sinh năm 2004, vắng mặt; Anh Lý Nguyễn AL, sinh năm 2002, có mặt; Anh Nguyễn Thanh T5, có mặt; Anh Tiêu Minh T8, sinh năm 1997, có mặt; Anh Nguyễn Tấn T6, sinh năm 2001, có mặt; Anh Trịnh Phước T7, sinh năm 1996, có mặt; Anh Ngô Công T9, sinh năm 1994, vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt:*

Thái Thị NT, Huỳnh Kim CH, cùng là nhân viên phục vụ quán giải khát “NT” (Tổ 09, khóm Qc3, phường PCb, thành phố K, tỉnh An Giang); do mâu thuẫn, NT, CH hẹn đánh nhau tại khu đất trống trước quán “NT”; CH nhắn tin kêu nhóm bạn, gồm: Nguyễn Hữu B5; Nguyễn Minh LN; Phạm LP; Lý Nguyễn AL; Trịnh Lý Nhật IT; Trịnh Hoàng MT; Nguyễn Đình H1; Nguyễn Minh MA và Trần Thị Bích HT đến tiếp giúp; Cùng lúc Lưu Minh B6; Lê Hoàng B7; Nguyễn AN đến quán “NT” uống nước nghe Lưu Thị Yến LL (em ruột của B6) nói CH, NT hẹn đánh nhau, AN gọi điện thoại rủ Nguyễn Ngọc B3; Nguyễn Đức Hut; Lê Thành Giúp đến.

Khoảng 21 giờ, ngày 19/4/2020, thấy NT, CH đánh nhau trước quán, LN can ngăn; B3 cầm ca nhựa chứa nước ném LN, trúng vùng đầu; B6; B7; AN; B4; B1 xông vào cùng nhóm của LN (gồm; B5; LP; AL; IT; MT; H1 và MA) dùng tay, chân đánh nhau. B4, B3 dùng tay đánh LN trúng mặt; B1 lấy dao thái lan (giấu trong người) đâm LN nhiều cái trúng vùng bụng, lưng trái. B5 (em ruột của LN) thấy, xông vào dùng mũ bảo hiểm đánh trúng 02 người thanh niên (không xác định, tổng nhóm của B3); MT bị thanh niên trong nhóm của B3 (không xác định) đánh gây thương tích vùng má và cằm trái; H1 bị 03 người thanh niên (không xác định) khóa tay, dùng dao đâm nhiều cái trúng vùng lưng, đùi phải gây thương tích; bị đánh, nhóm của LN bỏ chạy. B1 ném vỏ dao, cùng B4 về nhà; B4 lấy 01 dao, cùng với B6 quay lại quán “NT”, rượt đuổi chém IT, MT, nhưng không trúng.

Lê Thành B2 (chú ruột của B1) biết B1 bị thương tích bàn tay phải, nên về nhà lấy dao tự chế dài 49cm, kêu Nguyễn Thị TN (vợ của B2) dùng xe mô tô chở đến quán “NT”, tìm nhoms LN đánh trả thù. Khi đến quán, B2 nhỏ thấy, nghĩ Lê NL (do LN nhờ đến lấy giùm xe, sau khi đánh nhau) và Trịnh Lý Nhật IT đánh B1 gây thương tích, B2 dùng dao chém IT 01 cái trúng lưng, chém NL nhiều cái trúng vùng mặt, ngực phải, cổ tay phải, gây thương tích; được mọi người can ngăn, B2 bỏ về. LN; H1; IT; MT và NL được đưa đi cấp cứu, điều trị, có đơn yêu cầu khởi tố.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 172, 173, 174, 175 và 176/20/TgT ngày 17/7/2020 của Trung tâm định pháp y, Sở y tế tỉnh An Giang ghi nhận:

1. *Nguyễn Đình H1, sinh năm 2004, ngụ tổ 25, khóm LC1, phường MV, thành phố K, dấu hiệu chính qua giám định:* 02 sẹo lưng phải (2,5 x 0,5; 0,3 x 0,6)cm – Vết 1 lồi, sậm màu, đầu trong tù, đầu ngoài nhọn, nằm hơi nagnng, cacsh dưới bờ vai phải 29 cm, cách cột sống 94cm, thấu ngực, tràn khí – tràn máu màng phổi phải, đã phẫu thuật dẫn lưu – Vết 2, lồi sậm màu, nằm hơi xiên, đầu trên tù, đầu dưới nhọn, cáchh vết sẹo thứ nhất 03cm, sẹo lưng trái (1,4 x 0,5)cm, lồi, sậm màu, đứng dọc, đầu trên tù, đầu dưới nhọn, thấu ngực, tràn khí màng phổi trái, đã phẫu thuật dẫn lưu; sẹo mặt ngoài 1/3 dưới đuôi phải (1,6 x 0,8), lồi sậm màu, trục thẳng, hai đầu tương đối nhọn. Tỷ lệ thương tật cơ thể do thương tích gây nên hiện tịa 22% (không xác định người gây thương tích);

2. *Trịnh Lý Nhật IT, sinh năm 2004, ngụ tổ 23, khóm Lc1, phường MV, thành phố K, dấu hiệu chính qua giám định:*Sẹo lưng phải (0,8 x 0,2)cm, nông, phẳng, hồng, bờ gọn. Tỷ lệ cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01% (không xác định người gây thương tích);

2. *Nguyễn Minh LN, sinh năm 1997, ngụ tổ 25, khóm LC1, phường MV, thành phố K, dấu hiệu chính qua giám định:* sây sát giữa đỉnh, không tồn tại, sẹo vùng thương vị (4 x 0,5)cm, lệch phải, nằm nang, đầu phải hơi tù, đầu trái nhọn, thấu bụng, thủng dạ dày, thủng túi mật, đã phẫu thuật khâu lỗ thủng dạ dày, cắt túi mật, 02 sẹo lưng trái (1,7 x 0,5; 1,6 x 0,9)cm – sẹo 1, đứng dọc, lồi, sậm màu, đầu trên hơi tù, đầu dưới nhọn, trục thẳng, bờ đều, cách dưới giữa bờ vai 18,5cm, cách cột sống 11,5cm – sẹo 2, nằm hơi ngang, lồi, trục thẳng, bờ đều, cách sẹo dưới trọng sẹo 1 là 09xm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tíc gây nên hiện tại là 54% (Do Nguyễn Ngọc B3, Nguyễn Đức B4 dung tay đánh và Lê Thành B1 dung dao đâm, gây ra);

3. *Lê NL, sinh năm 1995, ngụ tổ 04, khóm Cv1, phường Nv, thành phố K, dấu hiệu chính qua giám định:* Sẹo trán trái (10 x 0,1)cm, nứt sọ trán đỉnh phải, sẹo chop mũi (4,2 x 0,1)cm, phần sẹo môi trên trái (3,5 x 0,1) cm; sẹo niêm mạc môi dưới trái đến cằm trái (9 x 0,1)cm, phần sẹo vùng niêm mạc dài 4cm, phần sẹo vùng da cằm trái dài 5cm, sẹo ngực phải (15,5 x 1,5)cm, đứng dọc, đầu trên hơi nhọn, hồng, đầu dưới hơi tù, trục thẳng, sậm màu, sẹo ngực phải đường trung đòn cạnh vũ phải (10,5 x 0,5)cm đứng dọc, hai đầu sẹo tương đối nhọn, trục thẳng, sẹo mặt sau từ cổ tay đến mặt mu – lòng bàn tay phải (12 x 0,2)cm, đứt lìa xương thuyền, đã phẫu thuật kết hợp xương, ảnh hưởng ít đến tác động khớp cổ tay; sẹo mả trước ½ dưới đuôi phải ( 7x 0,8)cm, nằm hơi xiên, bờ gọn, hai đầu nhọn. Tỷ lệ thương tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại 38% (do Lê Thành B2 dung dao đâm, gây ra);

Cáo trạng số 105/CT-VKSCĐ ngày 11/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo: Lê Thành B1; Nguyễn Ngọc B3; Nguyễn

Đức B4; Lê Thành B2 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa,

Bị cáo B3 khai nhận, trong lúc cãi nhau với LN, bị cáo dùng ca nước ném trúng LN, dẫn đến xô xát, bị cáo đánh nhau với nhóm của LN bằng tay, không biết việc B1 đâm LN gây thương tích.

Bị cáo B1 khai nhận, khi đi uống cà phê, có đem dao cất giấu trong người, nhóm bạn không biết. Khi xảy ra đánh nhau, bị cáo lấy con dao đã giấu sẵn trong người đâm nhiều cái vào vùng bụng, vai của LN gây thương tích.

Bị cáo B4 khai nhận, lúc đánh nhau, bị cáo đánh bằng tay không, không biết thương tích của LN là do ai gây nên.

Bị cáo B2 khai, do đã uống rượu, khi về nhà thấy B1 bị gây thương tích, nên ép TN chở đến quán “NT” và đã gây thương tích cho bị hại như cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo B5 khai, do LN bị đánh, nên bị cáo dùng nón bảo hiểm đánh tiếp LN, sau đó thấy B6 bị đánh nên chạy đến tiếp rượt đánh những người này bỏ chạy, bị cáo truy đuổi nhưng không kịp nên đập nón bảo hiểm xuống mặt đường như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo B6 thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng với hành vi đã thực hiện.

Bị cáo B7 thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng với hành vi đã thực hiện.

Người bị hại Nguyễn Minh LN cho biết, không quen biết với nhóm của B3, B1, B4. Trong lúc can NT và CH đánh nhau, LN có chửi thề, nên bị B3 dùng ca trà đánh ném trúng đầu, dẫn đến xô xát với nhóm của LN và bị gây thương tích như nội dung cáo trạng đã truy tố. Đã nhận tiền bồi thường, yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho các bị cáo;

Người bị hại Trịnh Lý Nhật IT cho biết, trong khi chở vợ đến quán “NT” định uống cà phê, không hiểu lý do gì mà bị B2 dùng dao gây thương tích như kết luận đã giám định. Đã nhận tiền bồi thường, yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ đến mức thấp nhất hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Trịnh Hoàng MT cho biết: Do các bên hiểu nhầm nhau, dẫn đến xô xát. Đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ đến mức thấp nhất hình phạt cho bị cáo.

Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo có nói lại cho gia đình biết và yêu cầu gia đình phải bồi thường chi phí điều trị cho những người bị hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu đối với số tiền đã bồi thường cho người bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo B2 trình bày: Thống nhất về tội danh đối với bị cáo. Tuy nhiên, có một số ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử có quan tâm xem xét: bị cáo B2, thấy cháu bị gây thương tích, tại thời điểm này, bị cáo đã có

rượu, nên ép vợ chở đến quán “NT”, khi đến thấy đông người nên bị cáo tin là những người này đã gây thương tích cho cháu mình nên dùng dao gây thương tích cho họ. Kể từ khi bị tạm giam đến nay, bị cáo nhận thấy lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thương thiệt hại do thương tích mình đã gây ra; tại phiên tòa xin lỗi và được bị hại chấp nhận; Bị hại xin giảm nhẹ đến mức thấp nhất của khung hình phạt, đặt biệt con bị cáo còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cha. Do đó, về hình phạt đề nghị Hội đồng có xem xét xử từ 2(hai) năm đến 02(hai) năm 6(sáu) tháng tù cũng đủ tính răn đe giáo dục.

Trong phần tranh luận, các bị cáo B3; B1; B4; B2; B5; B6 và B7 không có ý kiến tranh luận. Bị cáo B2 thống nhất ý kiến bào chữa của Luật sư, không có ý kiến bổ sung.

Những người bị hại không có ý kiến tranh luận; Có yêu cầu nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho các bị cáo, sự việc do có sự hiểu nhầm và các bị cáo nhất thời phạm tội.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nói lời xin lỗi đến những người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định các bị cáo Lê Thành B1, Nguyễn Ngọc B3, Nguyễn Đức B4 đã có hành vi dùng tay, dao là hung khí nguy hiểm đánh, chém gây thương tích cho Nguyễn Minh LN, tỷ lệ thương tật 54%; Bị cáo Lê Thành B2 đã có hành vi vô cớ dùng dao là hung khí nguy hiểm chém gây thương tích cho Lê NL, tỷ lệ thương tật 38%, Trịnh Lý Nhật IT, tỷ lệ thương tật 02%.

Nguyễn Hữu B5 dùng mũ bảo hiểm, Lưu Minh B6 và Lê Hoàng B7 dùng tay tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng, gây hậu quả nghiêm trọng về thương tích, đối với các bị hại Nguyễn Đình H1, Trịnh Hoàng MT, Nguyễn Minh LN, tổng tỷ lệ thương tật được xác định 77%; không tham gia đánh nhau với Trịnh Lý Nhật IT, Lê NL (tổng tỷ lệ thương tật 40%).

Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng số 105/VKS-HS-TA ngày 11/9/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, giữ nguyên quyết định truy tố.

Xét về tính chất vụ án, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự cấu kết, đều là người thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, có xem xét về hành vi của từng bị cáo trong đồng phạm, bị cáo B1, bị cáo B2, trực tiếp cầm dao đâm, chém gây thương tích cho cả bốn người bị hại là LN, H1, MT và IT. Các bị cáo còn lại tham gia với vai trò tích cực, đều là người thực hành, nhưng là người thứ yếu, ở những mức độ khác nhau.

Đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc B3, Nguyễn Đức B4 có vai trò đồng phạm là người thực hành, bị cáo B3 là nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến đánh nhau giữa hai nhóm. Giữa bị cáo B3 và LN không mâu thuẫn gì với nhau từ trước, chỉ ganh tức việc LN can ngăn CH, NT đang đánh nhau mà bị cáo quay sang nhóm bạn của bị cáo (B1, B3, B4, B6, B7, Bé Lê) nói “*Thằng này con trai mà chửi con gái*” và dùng ca nhựa chứa nước ném trúng đầu LN dẫn đến cự cãi, đánh nhau. Hành động và lời nói của bị cáo là nguyên nhân dẫn đến B4, B1 tham gia cùng với bị cáo đánh LN gây thương tích. Vì vậy, buộc các bị cáo B3, B4 phải chịu trách nhiệm hình sự chung về hậu quả thương tích mà B1 đã gây ra cho bị hại LN; cá thể hóa vai trò, trách nhiệm của các bị cáo đối với hành vi mà bị cáo thực hiện, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, nhưng thấp hơn mức hình phạt của bị cáo B1.

Bị cáo Lê Thành B2 không mâu thuẫn gì với các bị hại Trịnh Lý Nhật IT, Lê NL; chỉ vì thấy tay của B1 chảy máu, bị cáo không tìm hiểu rõ nguyên nhân, đã tự lấy dao đến quán NT, đánh, chém gây thương tích cho IT, tỷ lệ 2%; NL 38%. Hành vi của bị cáo thể hiện rõ tính hung hãn, côn đồ và nhân thân của bị cáo vẫn chưa chấp hành bản án cố ý gây thương tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về thương tích đã gây ra cho IT, NL và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hữu B5 đi chung nhóm của LN. Bị cáo đến quán NT ngay từ lúc đầu, chứng kiến nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến đánh nhau. Lẽ ra, khi thấy LN bị đâm gây thương tích, bị cáo phải biết can ngăn, đưa LN đi cấp cứu, điều trị. Nhưng ngược lại, bị cáo đã đưa LN ra ngoài rồi lại tham gia trực tiếp đánh nhau với 02 thanh niên nhóm của B3 (không xác định được người bị đánh). Hành vi của bị cáo dùng vũ khí nguy hiểm (là hung khí nguy hiểm) tham gia đánh nhau, gây rối trật tự công cộng, gây hậu quả nghiêm trọng về thương tích, đối với các bị hại Nguyễn Đình H1, Trịnh Hoàng MT, Nguyễn Minh LN, tổng tỷ lệ thương tật được xác định 77%. Vì vậy, buộc bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Lê Hoàng B7, Lưu Minh B6 đi chung nhóm với bị cáo B3, B4, B1. Lẽ ra, khi thấy 02 nhóm bạn của mình mâu thuẫn thì các bị cáo phải biết can ngăn các bên, tránh sự việc đáng tiếc xảy ra. Nhưng các bị cáo chẳng những không can ngăn, mà còn tham gia đánh nhau với nhóm của các bị hại, trong đó, các bị cáo đã dùng tay đánh 02 người thanh niên trong nhóm bị hại. Mặc dù không chứng minh được người bị đánh nhưng hành vi của các bị cáo đã gây rối trật tự công cộng, gây hậu quả nghiêm trọng về thương tích, đối với các bị hại Nguyễn Đình H1, Trịnh Hoàng MT, Nguyễn Minh LN, tổng tỷ lệ thương tật được xác định 77%.

Tuy nhiên, đề nghị HĐXX khi lượng hình có xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Lê Thành B1, Nguyễn Ngọc B3, Nguyễn Đức B4 không tiền án, tiền



sự, thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; sau khi sự việc bị phát giác, các bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; tích cực tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho các bị hại (NL 40.000.000 đồng, LN 49.000.000 đồng, H1 12.000.000 đồng) và được bị hại có đơn yêu cầu xử lý nhẹ đối với bị cáo. Vì vậy, bị cáo các bị cáo B1, B3, B2 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*Đầu thú*” và được người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Lê Thành B2 có 01 tiền án, không tiền sự; thuộc thành phần nhân dân lao động; được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*”, được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*”, quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Lê Hoàng B7 không tiền án, tiền sự; Lưu Minh B6 không tiền án, có 01 tiền sự; thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*”, “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Hữu B5 không tiền án, tiền sự; thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, và được người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét quá trình nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Lê Thành B1, Lê Thành B2, Nguyễn Hữu B5. Nhận thấy các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51. Vì vậy các bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng nằm trong khung hình phạt liền kề của điều luật được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Riêng các bị cáo Nguyễn Ngọc B3, Nguyễn Đức B4 tham gia vụ án với vai trò đồng phạm gián đơn; phạm tội lần đầu và là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể, vì vậy các bị cáo được áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không

bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật theo khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Riêng đối với các bị cáo Lê Hoàng B7, Lưu Minh B6 phạm tội lần đầu, có vai trò không đáng kể trong vụ án; nhân thân các bị cáo không tiền án, tiền sự; trong thời gian tại ngoại để điều tra, các bị cáo chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước ở địa phương; có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng. Vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo B7, B6 chấp hành án dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ có tác dụng giáo dục răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

#### **Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:**

+ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Thành B1**: từ 04 năm đến 04 năm 09 tháng tù;

+ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo **Nguyễn Ngọc B3, Nguyễn Đức B4** mỗi bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù;

+ Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Thành B2** từ 03 năm đến 03 năm 09 tháng tù. Đồng thời, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của Bản án ngày 13/11/2019, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo luật định;

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu B5** từ 06 tháng đến 01 năm tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo **Lưu Minh B6, Lê Hoàng B7** từ 01 năm đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Lưu Minh B6, Lê Hoàng B7 cho Ủy ban nhân dân phường PCB, thành phố K, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Xét thấy không cần thiết áp dụng khẩu trừ thu nhập đối với các bị cáo B6, B7 do các bị cáo không nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng phải lao động công ích theo quy định pháp luật thi hành án hình sự.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

#### **Về biện pháp tư pháp:**

*Về xử lý vật chứng:* Áp dụng các Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, đề nghị tịch thu, tiêu hủy đối với các vật chứng đã thu giữ trong vụ án.

*Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập trong vụ án.

Đối với Nguyễn Thị TN điều khiển xe mô tô chở Lê Thành B2 đi gây thương tích cho Lê NL, Trịnh Lý Nhật IT là do bị B2 ép buộc, đe dọa và trường hợp Huỳnh Kim CH, sinh ngày 04/3/2007 và Thái Thị NT, sinh ngày 30/5/2003 có hành vi đánh nhau, không gây thương tích cho nhau, tuy không xử lý, nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

#### *1. Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền; Tội phạm thực hiện trên địa bàn thành phố K, có khung hình phạt dưới 15 năm tù, Tòa án nhân dân thành phố K, thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền;

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an nhân dân thành phố K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện.

[1.3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, những người này vắng mặt. Xét, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

#### *2. Về nội dung:*

##### [2.1] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa cũng như lời khai của người bị hại và những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra, kiểm chứng tại phiên tòa, có căn cứ xác định:

Khoảng 21 giờ, ngày 19/4/2020, NT, CH đánh nhau trước quán “NT”, LN can ngăn, Nguyễn Ngọc B3 dùng ca nhựa đựng nước trà đá ném trúng vào đầu LN, dẫn đến mâu thuẫn, nhóm của B3 gồm: Nguyễn Ngọc B3; Nguyễn Đức B4; Lê Thành B1; Nguyễn AN; Lưu Minh B6; Lê Hoàng B7, đánh nhau với nhóm của LN gồm: Nguyễn Minh LN; Nguyễn Hữu B5; Phạm LP; Lý Nguyễn AL; Trịnh Lý Nhật IT; Nguyễn Đình H1; Trịnh Hoàng MT. Lúc này, B1 đã dùng dao đâm nhiều cái trúng vào vùng bụng, lưng trái của LN, kết quả dẫn đến thương tích cho Nguyễn Minh LN 54%; Nguyễn Hữu B5, Lưu Minh B6; Lê Hoàng B7, dùng nón bảo hiểm đánh nhau với nhóm của Nguyễn Ngọc B3 và nhóm của LN,

không gây thương tích nhưng làm náo loạn khu vực dưới lòng đường giao thông trước quán “NT” ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn giao thông nơi công cộng, hoạt động đi lại của người dân. Sau khi sự việc đã xảy ra, Lê Thành B2 (B2 Đen) biết việc B1 bị thương, thì về nhà lấy dao tự chế dài 49cm đến quán “NT” chém IT trúng lưng gây thương tích 1%; chém Lê NL nhiều cái trúng vùng mặt, ngực phải, cổ tay phải gây thương tích 22%;

Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đều biết rõ hành vi của mình sẽ ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây cản trở hoạt động giao thông, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống nơi đông người, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác. Ngoài ra, công cụ mà các bị cáo sử dụng gây thương tích cho người bị hại là dao tự chế, đây là hung khí nguy hiểm theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 Mục 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 và tiểu mục 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Cố ý gây thương tích*" và tội "*Gây rối trật tự công cộng*" như cáo trạng truy tố, cũng như quan điểm của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

#### [2.2] Đồng phạm:

Đây là vụ án có đồng phạm, thuộc đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, phân công mà cùng thống nhất ý chí trong thực hiện tội phạm, các bị cáo đều là người thực hành. Xem xét hành vi của từng bị cáo trong đồng phạm, bị cáo B1 có vai trò tích cực trong vụ án. Bị cáo B1 trực tiếp cầm dao chém gây thương tích cho người bị hại là Nguyễn Minh LN 54%. Các bị cáo khác không biết việc B1 cất giấu dao trong người, không biết B1 gây thương tích nghiêm trọng cho LN. Sự việc không liên quan đến Lê Thành B2, nhưng vẫn cầm dao chém gây thương tích cho bị hại đến 38%; Bị cáo B3, tuy là người chủ động đánh nhau với LN, nhưng chỉ bằng tay không, không chủ động kêu nhóm bạn của mình (B1; B4; B7) đánh nhóm của LN; Bị cáo B4 cùng tham gia với B1 và B3 đánh LN, nhưng chỉ bằng tay không và không biết việc B1 gây thương tích cho LN; bị cáo B6; Bị cáo B5, thấy LN bị đánh nên dung nóm bảo hiểm tham gia giải dây cho LN và truy đuổi những người đang đánh B6, truy đuổi không kịp, có hành vi đập nóm bảo hiểm xuống đường, gây mất trật tự nơi đông người, gây thương tích nhẹ cho người khác.

Vì vậy, khi lượng hình có sự phân hóa trong xem xét trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong đồng phạm.

Con người là vốn quý của xã hội, tính mạng, sức khỏe của con người được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận và được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cao cho xã hội, không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác mà còn gây hoang mang, tâm lý lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự và an toàn xã hội tại địa

phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi của từng bị cáo, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tích cực tác động gia đình bồi thường chi phí điều trị; khắc phục hậu quả cho người bị hại. Tại phiên tòa, người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ đến mức thấp nhất hình phạt cho các bị cáo. Đồng thời, sự việc xảy ra cũng có một phần lỗi của người bị hại khi không kiểm chế được hành vi ứng xử khi sự việc mâu thuẫn, đánh nhau chưa xảy ra; các bị cáo chưa có tiền án (Trừ bị cáo B2). Xét, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo. Riêng bị cáo B3, B4 là đồng phạm trong vụ án, nhưng phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án có đồng phạm nên có xem xét khi lượng hình như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm các khoản thiệt hại nào khác; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền đã thay các bị cáo bồi thường chi phí điều trị cho người bị hại nên không đề cập xem xét.

[5] Vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Thị TN điều khiển xe mô tô chở Lê Thành B2 đi gây thương tích cho Lê NL, Trịnh Lý Nhật IT là do bị B2 ép buộc, đe dọa và trường hợp Huỳnh Kim CH, sinh ngày 04/3/2007 và Thái Thị NT, sinh ngày 30/5/2003 có hành vi đánh nhau, không gây thương tích cho nhau, cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở. Tuy không xử lý, nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

Đối với hành vi của AN cơ quan điều tra đã xử lý hành chính, những người liên quan không khiếu nại, nên không xem xét lại.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Tuyên bố Lê Thành giúp; Nguyễn Ngọc B3; Nguyễn Đức B4; Lê Thành B2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”*

*Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu B5; Lưu Minh B6; Lê Hoàng B7 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”*

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Lê Thành B1 04 (bốn) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Lê Thành B1 được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 21/4/2020 (*ngày hai mươi một, tháng tư, năm hai ngàn không trăm hai mươi*).

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** các bị cáo Nguyễn Ngọc B3, Nguyễn Đức B4 mỗi bị cáo mức án 07 (bảy) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Nguyễn Ngọc B3, Nguyễn Đức B4 được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 21/4/2020 (*ngày hai mươi một, tháng tư, năm hai ngàn không trăm hai mươi*).

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự;

**Xử phạt:** bị cáo Lê Thành B2 từ 03 (ba) năm tù, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của Bản án ngày 13/11/2019, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Lê Thành B2 được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 21/4/2020 (*ngày hai mươi một, tháng tư, năm hai ngàn không trăm hai mươi*).

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** bị cáo Nguyễn Hữu B5 từ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, kể từ ngày tuyên án 30/9/2020 (*ngày ba mươi, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Giao bị cáo Nguyễn Hữu B5 cho Ủy ban nhân dân phường MV, thành phố K, tỉnh An Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 328 trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** bị cáo Lưu Minh B6, Lê Hoàng B7, mỗi bị cáo 01 năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ của các bị cáo được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường PCB, thành phố K được giao giám sát, giáo dục và bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Lưu Minh B6, Lê Hoàng B7 cho Ủy ban nhân dân phường PCB, thành phố K, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường PCB, thành phố K, tỉnh An Giang trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Căn cứ Điều 328 trả tự do cho bị cáo Lưu Minh B6, Lê Hoàng B7 nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không cần thiết áp dụng khẩu trừ thu nhập đối với các bị cáo B6, B7 do các bị cáo không nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng phải lao động công ích theo quy định pháp luật thi hành án hình sự.

*Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;*

Tịch thu tiêu hủy: 01 ca nhựa trắng (cao 14 cm, đường kính 10 cm), vỡ thành hai mảnh; 01 đôi dép cao su đỏ, quai ngang, có chữ *LOVE*; 01 đôi dép xốp đỏ, quai ngang xám, có chữ *NIKE*; 01 đôi dép xốp đỏ, quai kẹp xanh, có chữ *NEO*; 01 đôi dép xốp đỏ, quai kẹp đen, có chữ *BOPONI*; 01 đôi dép xốp vàng, kiểu quai ngang sọc đen; 01 mũ bảo hiểm, lưỡi trai, đen, bị vỡ; 01 vỏ mũ bảo hiểm xám; 01 lớp xốp mũ bảo hiểm; 01 mũ bảo hiểm xanh lục, bị vỡ; 01 mũ bảo hiểm xanh lam; 01 vỏ mũ bảo hiểm đen; 01 đôi dép da đen, quai ngang; 01 dao dài 1.1 m, cán gỗ tròn dài 22.5 cm, lưỡi dao kim loại sắc bén một cạnh dài 88 cm; 01 quần Jean lưng đen; 01 áo thun xanh ngắn tay, trên tay áo phải có số 5, ngực áo trái có Logo hình con thú và chữ *THE BEST JEAN 1983*; 01 quần Jean lưng đen, sau thắt lưng có Logo chữ *D&C*; 01 áo sơ mi đen, dài tay, có nhiều họa tiết hình đầu lâu, ngôi sao; 01 dao dài 49 cm, cán gỗ dài 15.3 cm, lưỡi dao kim loại trắng dài 33.7 cm, sắc bén một cạnh, mũi dao nhọn có nhiều vết màu nâu sẫm (nghi máu); 01 quần Jean lưng vàng, chấm bi nhỏ, thắt lưng có viền ngang màu cam - xanh - đỏ - trắng; 01 áo thun ngắn tay, xanh, cổ tròn, ngực áo bên trái có Logo trắng, cổ áo có chữ *BT-FASHION*; 01 quần Jean lưng xanh, sau thắt lưng có chữ *DG* kim loại trắng; 01 áo thun đỏ, cổ lật bên trái có Logo không rõ hiệu, phía sau áo có vết rách ( $4 \times 0.1$ ) cm nằm ngang, cách cổ áo 16 cm (của Trịnh Lý Nhật IT); 01 quần Jean lưng xám, thắt lưng có chữ *C-SEVEN TEEN*; 01 quần Jean xanh, dài; 01 áo thun đen, cổ tròn, ngắn tay, ngực áo bên trái có chữ *YAMAHA* (của Lý Nguyễn AL). 01 quần vải đen, sau ống quần bên phải có vết rách dài 1.5 cm, trước ống quần bên trái có vết rách ( $1.5 \times 1$ ) cm; 01 áo thun xanh, cổ tròn, ngắn tay, hai tay và giữa thân áo có vết rách bờ mép nham nhở, trên bề mặt có nhiều vết màu nâu sẫm (nghi máu); 01 quần thun màu đỏ - đen, phía trước bên phải có vết rách dài 8.5 cm, bề mặt có nhiều vết màu nâu sẫm (nghi máu; của Lê NL); 01 quần vải đen, túi quần sau bên phải có chữ *D&G*; 01 áo sơ mi đen, dài tay, bên trái có vết màu nâu sẫm ( $7 \times 2,5$ ) cm (nghi máu; của Trịnh Hoàng MT);

01 áo sơ mi xám, dài tay, mặt trong cổ áo có chữ *FASHION*; 01 quần vải đen, dài, bị rách (của Lê Thành B1); 01 mũ bảo hiểm đen, mặt trước có Logo *PIAGGIO* (tất cả đã bàn giao Cơ quan Thi hành án dân sự).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K với CH cục Thi hành án dân sự thành phố K).

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc các bị cáo: Lê Thành B1; Lê Thành B2; Nguyễn Ngọc B3; Nguyễn Đức B4; Lưu Minh B6; Nguyễn Hữu B5 và Lê Hoàng B7, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, anh IT, ông DT, bà KL, anh NL, anh MT, chị TN, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh H1, bà X, anh Minh LN, ông NT, bà MN, bà NN, bà Mẫu ĐP, bà KL vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

(Đã giải thích chế định về án treo)

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- CH cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Đức**